TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH TRÌ
Số: 7077/QĐ-PCTHANHTRI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Mai, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện đầu tư
Dự án: Xây dựng mới các TBA trên địa bàn xã Thanh Trì năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH TRÌ

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Được sửa đổi theo Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 10699/QĐ-EVNHANOI ngày 05/11/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Căn cứ Quy chế số 109/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2026 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành quy chế mua sắm trong tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-EVNHANOI ngày 16/3/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao danh mục đầu tư xây dựng đợt 4 năm 2026 cho Công ty Điện lực Thanh Trì;

Căn cứ Văn bản số 8536/QĐ-EVNHANOI ngày 04/9/2026 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc chuyển giai đoạn thực hiện đầu tư công trình đầu tư xây dựng năm 2026 cho công ty điện lực Thanh Trì;

Căn cứ Quyết định số 5301/QĐ-PCTHANHTRI ngày 30/7/2026 của Công ty Điện lực Thanh Trì về việc phê duyệt dự án: Xây dựng mới các TBA trên địa bàn xã Thanh Trì năm 2026;

Căn cứ Quyết định 6480/QĐ-PCTHANHTRI ngày 16/9/2026 của Công ty Điện lực Thanh Trì về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán dự án: Xây dựng mới các TBA

trên địa bàn xã Thanh Trì năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 6615/QĐ-PCTHANHTRI ngày 19/9/2026 của Công ty Điện lực Thanh Trì về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện đầu tư dự án: Xây dựng mới các TBA trên địa bàn xã Thanh Trì năm 2026;

Căn cứ Tờ trình số 498/BANQLDAKN ngày 02/10/2026 của Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện đầu tư dự án: Xây dựng mới các TBA trên địa bàn xã Thanh Trì năm 2026;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kế hoạch và vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện đầu tư Dự án: Xây dựng mới các TBA trên địa bàn xã Thanh Trì năm 2026 với nội dung sau:

STT	Nội dung theo Quyết định số 6615/QĐ-PCTHANHTRI ngày 19/9/2026		Nội dung điều chỉnh	
	Tên gói thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Tên gói thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu
1	75.26-211: Mua sắm vật tư thiết bị	Quý III/2026	75.26-211: Mua sắm vật tư thiết bị	Quý IV/2026
2	75.26-211: Xây lắp	Quý III/2026	75.26-211: Xây lắp	Quý IV/2026
3	75.26-211: Giám sát	Quý III/2026	75.26-211: Giám sát	Quý IV/2026
4	75.26-211: Thí nghiệm	Quý III/2026	75.26-211: Thí nghiệm	Quý IV/2026

Các nội dung khác của Quyết định số 6615/QĐ-PCTHANHTRI ngày 19/9/2026 không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý Đầu tư, Phòng tài chính kế toán, Phòng kỹ thuật và An toàn, Phòng kế hoạch và vật tư, Ban quản lý dự án kiêm nhiệm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- BQLDAKN (06 bản giấy);
- Lưu: VT, KHVT.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:0100101114-009-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
ĐIỆN LỰC THANH TRÌ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Hồng Dương

Phụ lục

PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-PCTHANHTRI ngày tháng năm 2026)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
I	**Phần công việc Công ty Điện lực Thanh Trì thực hiện**			**9.815.209.106**								
1	Công ty Điện lực Thanh Trì	75.26-211: Mua sắm vật tư thiết bị	Mua sắm VTTB	5.064.241.794	Vay TDTM	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	45 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	30 ngày	Không áp dụng
2		75.26-211: Xây lắp	Thi công xây dựng và lắp đặt công trình theo thiết kế được duyệt	4.312.587.673	Vay TDTM và vốn đối ứng KHCB	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	45 ngày	Quý IV/2026	Đơn giá cố định	60 ngày	Không áp dụng
3		75.26-211: Giám sát	Giám sát thi công lắp đặt theo thiết kế được duyệt	275.391.352	Vốn đối ứng KHCB	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	1 giai đoạn, 2 túi hồ sơ	45 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	60 ngày	Không áp dụng
4		75.26-211: Thí nghiệm	Thí nghiệm, kiểm định VTTB theo quy định	162.988.287	Vốn đối ứng KHCB	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	45 ngày	Quý IV/2026	Đơn giá cố định	60 ngày	Không áp dụng
II	**Phần công việc Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội thực hiện**			**1.305.145.890**								
1	Công ty Điện lực Thanh Trì	75.26-211: Mua sắm MBA	Mua máy biến áp	1.213.674.000	Vay TDTM	Đấu thầu tập trung theo kế hoạch của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội						
2		75.26-211: Kiểm toán	Chi phí kiểm toán	91.471.890	Vốn đối ứng KHCB	Đấu thầu tập trung theo kế hoạch của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội						
Cộng giá trị thực hiện				**11.120.354.996**								

BẢNG CHI TIẾT CÁC GÓI THẦU

1. Gói thầu 75.26-211: Mua sắm Vật tư thiết bị

TT	Tên và quy cách VTTB	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Cơ sở giá
1	Tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+1CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA	Tủ	4,00	210.000.000	840.000.000	Theo Quyết định số 6480/QĐ-PCTHANHTRI ngày 16/9/2026
2	Tủ RMU 22kV-kiểu compact-3 ngăn (2CD+1CC)-Không mở rộng được; 1CC sang MBA; Không kết nối SCADA	Tủ	1,00	209.000.000	209.000.000	
3	Tủ tổng hạ áp 1000A-có khoang chứa tủ RMU kèm tủ tụ bù , chụp cực MBA và máng cáp trung hạ thế đỡ MBA MBA 630kVA-22/0.4kV	Tủ	4,00	290.000.000	1.160.000.000	
4	Tủ Pillar 400A-(1200x425x425)-2 mặt	Tủ	1,00	40.000.000	40.000.000	
5	Tủ Pillar 400A-(1200x725x425)-2 mặt-Có vị trí lắp công tơ	Tủ	1,00	47.800.000	47.800.000	
6	Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm2-Chống thấm nước; Màn chắn băng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE	Mét	275,00	3.649.000	1.003.475.000	
7	Hộp nối cáp 22kV-3x240mm2-Dùng băng quấn-Đổ nhựa-Ống nối đồng	Bộ	7,00	16.500.000	115.500.000	
8	Cáp ngầm 22kV-Cu-1x50mm2-Chống thấm nước; Màn chắn sợi đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE	Mét	135,00	372.600	50.301.000	
9	Cáp hạ áp-Cu-1x240mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE	Mét	140,00	1.018.700	142.618.000	
10	Cáp hạ áp-Cu-1x120mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE	Mét	75,00	501.200	37.590.000	
11	Cáp hạ áp Al-4x150mm2-giáp kim loại giải băng kép, cách điện XLPE	Mét	1.278,00	304.000	388.512.000	
12	Cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm2	Mét	1.257,00	202.490	254.529.930	
13	Cáp vặn xoắn hạ áp 4x70mm2	Mét	115,00	116.200	13.363.000	
14	MCB 1 cực 63A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	512,00	90.000	46.080.000	
15	MCB 3 cực 63A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	36,00	415.000	14.940.000	
16	Ghíp LV-IPC-120mm2-120mm2-2 bu lông thép M8	Cái	252,00	83.000	20.916.000	
	Cộng giá gói thầu trước thuế				**4.384.624.930**	
	Thuế GTGT		10%		**438.462.493**	
	Cộng giá gói thầu sau thuế				**4.823.087.423**	
	Dự phòng		5%		*241.154.371*	
	Tổng giá trị gói thầu				**5.064.241.794**	

2. Gói thầu 75.26-211: Xây lắp

STT	Hạng mục công việc	Giá trị (VNĐ)	Gi chú
1	**Chi phí xây dựng**	**3.177.403.441**	
1.1	Chi phí xây dựng công trình	3.073.222.015	
1.2	Chi phí nhà tạm	104.181.426	
2	**Chi phí thiết bị**	**300.997.882**	
3	**Chi phí hoàn trả hè đường**	**255.440.817**	
	Cộng giá gói thầu trước thuế	**3.733.842.140**	
	Thuế GTGT 10%	373.384.214	
	Cộng giá gói thầu sau thuế	**4.107.226.354**	
	Chi phí dự phòng 5%	205.361.319	
	Cộng giá trị gói thầu	**4.312.587.673**	

3. Gói thầu 75.26-211: Giám sát

STT	Hạng mục chi phí	Thành tiền	Ghi chú
1	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**229.473.207**	
1.1	Chi phí giám sát thi công xây dựng	181.049.527	
1.2	Chi phí giám sát thi lắp đặt thiết bị	48.423.680	
2	**Chi phí khác**	**8.960.864**	
2.1	Chi phí giám sát hoàn trả hạ tầng kỹ thuật	8.960.864	
	Cộng giá gói thầu trước thuế	**238.434.071**	
	Thuế 10%	23.843.407	
	Cộng giá gói thầu sau thuế	**262.277.478**	
	Dự phòng 5%	13.113.874	
	Tổng giá gói thầu	**275.391.352**	

4. Gói thầu 75.26-211: Thí nghiệm

TT	Hạng mục chi phí	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí thí nghiệm hiệu chỉnh TB	42.782.230	
2	Chi phí thí nghiệm vật liệu	98.333.170	
	Cộng giá gói thầu trước thuế	**141.115.400**	
	Thuế 10%	**14.111.540**	
	Cộng giá gói thầu sau thuế	**155.226.940**	
	Dự phòng 5%	7.761.347	
	Tổng giá gói thầu	**162.988.287**	

5. Gói thầu 75.26-211: Mua sắm MBA

TT	Tên và quy cách VTTB	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Cơ sở giá
I	**Thiết bị**					
1	MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ	Máy	4,00	262.700.000	1.050.800.000	Theo Quyết định số 6480/QĐ-PCTHANHTRI ngày 16/9/2026
	Cộng thiết bị				**1.050.800.000**	
	Thuế GTGT		10%		*105.080.000*	
	Tổng sau thuế thiết bị				**1.155.880.000**	
	Dự phòng gói thầu		5%		**57.794.000**	
	Tổng giá trị gói thầu				**1.213.674.000**	

6. Gói thầu 75.26-211: Kiểm toán

TT	Hạng mục chi phí	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí kiểm toán (NĐ 254/2025/NĐ-CP)	79.196.442	
	Cộng giá gói thầu trước thuế	**79.196.442**	
	Thuế 10%	7.919.644	
	Cộng giá gói thầu sau thuế	**87.116.086**	
	Dự phòng 5%	4.355.804	
	Tổng giá gói thầu	**91.471.890**	